

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CNTT & TT

DANH SÁCH SINH VIÊN K12 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ, LỆ PHÍ

Tính đến 30/10/2017

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
1	DTC135D4802010244	Lưu Thế Anh	CNTT K12A	-	50,000	30,000	80,000	
2	DTC135D4802010044	Hoàng Hữu Bách	CNTT K12A	-	100,000		100,000	
3	DTC135D4802010248	Nguyễn Thành Công	CNTT K12A	-	50,000		50,000	
4	DTC135D4802010051	Đào Quang Đại	CNTT K12A	-		60,000	60,000	
5	DTC135D4802010070	Ngô Văn Kiên	CNTT K12A	-	50,000	30,000	80,000	
6	DTC135D4802010271	Hà Thị Ngọc Linh	CNTT K12A	-	175,000		175,000	
7	DTC135D4802010074	Lương Đình Mạnh	CNTT K12A	-	100,000	90,000	190,000	
8	DTC135D4802010075	Đỗ Tuấn Minh	CNTT K12A	-	150,000		150,000	
9	DTC135D4802010076	Triệu Thị Nga	CNTT K12A	-		30,000	30,000	
10	DTC155D4802010309	APHAYVONG Phonephukdee	CNTT K12A	-	125,000		125,000	
11	DTC155D4802010311	MANYVONG Sathan	CNTT K12A	-	125,000		125,000	
12	DTC135D4802010566	Phạm Ngọc Thắng	CNTT K12A	-	50,000		50,000	
13	DTC135D4802010289	Nguyễn Văn Thành	CNTT K12A	-	50,000		50,000	
14	DTC135D4802010091	Giảng A Thỉnh	CNTT K12A	-	50,000		50,000	
15	DTC135D4802010095	Ninh Thế Thuyết	CNTT K12A	-	50,000		50,000	
16	DTC135D4801020312	Trần Trọng Quang Trinh	CNTT K12A	-		150,000	150,000	
17	DTC135D4802010101	Nguyễn Văn Tú	CNTT K12A	-	50,000		50,000	
18	DTC135D4802010121	Đỗ Văn Đạt	CNTT K12B	-	50,000	30,000	80,000	
19	DTC135D4802010119	Nguyễn Khương Duy	CNTT K12B	-	50,000		50,000	
20	DTC135D4802010746	Lục Thị Hằng	CNTT K12B	-	50,000		50,000	
21	DTC125D4802010016	Đoàn Thị Huệ	CNTT K12B	-	50,000	120,000	170,000	
22	DTC135D4801020234	Lường Tuấn Hùng	CNTT K12B	-		90,000	90,000	
23	DTC135D4801020235	Trịnh Văn Hùng	CNTT K12B	-	50,000		50,000	
24	DTC135D4802010320	Nguyễn Hữu Mạnh	CNTT K12B	-	50,000		50,000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
25	DTC135D4802010143	Trần Văn Mạnh	CNTT K12B	-	50,000		50,000	
26	DTC135D4802010147	Ngô Minh Nhật	CNTT K12B	-	50,000		50,000	
27	DTC135D4801020320	Lê Hữu Thọ	CNTT K12B	-	50,000	270,000	320,000	
28	DTC135D4801020300	Hoàng Trung Tiến	CNTT K12B	-		60,000	60,000	
29	DTC135D4802010170	Lê Ngọc Tùng	CNTT K12B	-	225,000		225,000	
30	DTC135D4802010173	Tráng Seo Viện	CNTT K12B	787,500	50,000	270,000	1,107,500	
31	DTC135D4802010740	Nguyễn Quang Vũ	CNTT K12B	-		90,000	90,000	
32	DTC135D4802010177	Nguyễn Việt Anh	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
33	DTC135D4802010179	Nguyễn Đức Bình	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
34	DTC135D4802010706	Nguyễn Văn Bình	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
35	DTC135D4802010700	Nông Văn Bình	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
36	DTC135D4802010181	Nguyễn Vũ Công	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
37	DTC135D4802010703	Ma Văn Cương	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
38	DTC135D4802010182	Trần Văn Cường	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
39	DTC135D4802010189	Nguyễn Tuấn Đông	CNTT K12C	-	50,000	90,000	140,000	
40	DTC135D4802010310	Sùng A Đông	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
41	DTC135D4802010185	Nguyễn Văn Dương	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
42	DTC135D4802010705	Lường Hồng Giang	CNTT K12C	-	50,000	120,000	170,000	
43	DTC135D4802010190	Trần Thị Hà	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
44	DTC135D4802010191	Nguyễn Văn Hải	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
45	DTC135D4802010192	Châu Văn Hành	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
46	DTC135D4802010193	Nguyễn Thị Hào	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
47	DTC135D4802010194	Phạm Trọng Hiếu	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
48	DTC135D4802010197	Triệu Bông Hồng	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
49	DTC135D4802010198	Hoàng Thị Huệ	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
50	DTC135D4802010200	Hoàng Văn Hưng	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
51	DTC135D4802010309	Nông Quang Huy	CNTT K12C	-	175,000		175,000	
52	DTC135D4802010201	Ngô Tuấn Huy	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
53	DTC13ND4802010001	Ngô Trung Kiên	CNTT K12C	300,000	175,000		475,000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
54	DTC135D4802010709	Phạm Trung Kiên	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
55	DTC135D4802010206	Nguyễn Thị Lan	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
56	DTC13ND4802010003	Bùi Hồng Long	CNTT K12C	300,000	175,000		475,000	
57	DTC135D4802010702	Nguyễn Duy Long	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
58	DTC135D4802010801	Hoàng Pao Mìn	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
59	DTC1354802010500	Nông Đình Minh	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
60	DTC135D4802010211	Đặng Văn Nam	CNTT K12C	-	75,000		75,000	
61	DTC135D4802010212	Vũ Minh Ngọc	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
62	DTC135D4802010214	Bùi Thị Hải Như	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
63	DTC135D4802010322	Trần Thanh Phong	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
64	DTC135D4802010215	Phạm Văn Phúc	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
65	DTC125D4802010164	Đặng Văn Quỳnh	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
66	DTC135D5103020057	Phan Văn Sơn	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
67	DTC135D4802010221	Nguyễn Thị Thắm	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
68	DTC135D4802010222	Nguyễn Công Thắng	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
69	DTC135D4802010226	Vũ Văn Thật	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
70	DTC135D4802010227	Triệu Thị Thu	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
71	DTC135D4801020375	Lê Xuân Thường	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
72	DTC135D4802010229	Hoàng Thị Thủy	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
73	DTC135D4801030210	Đinh Văn Tiến	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
74	DTC135D4802010230	Nguyễn Thị Tình	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
75	DTC135D4802010231	Đàm Văn Toàn	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
76	DTC135D4802010234	Sầm Quang Trung	CNTT K12C	-	50,000	150,000	200,000	
77	DTC135D4802010235	Phạm Văn Trường	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
78	DTC135D4802010311	Giàng A Tú	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
79	DTC135D4802010236	Dương Hữu Tuấn	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
80	DTC135D4802010237	Hoàng Anh Tuấn	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
81	DTC135D4802010239	Lý Thị Tuyết	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
82	DTC135D4802010240	Lê Thị Vân	CNTT K12C	-	50,000		50,000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
83	DTC135D4802010241	Hoàng Thế Vinh	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
84	DTC135D4802010242	Lê Thị Ý	CNTT K12C	-	50,000		50,000	
85	DTC135D4802010114	Thào Chư	CNTT K12D	-	50,000		50,000	
86	DTC135D4802010512	Nguyễn Mạnh Đạt	CNTT K12E	-	175,000	30,000	205,000	
87	DTC135D4802010642	Nguyễn Duy Minh	CNTT K12E	-	175,000	60,000	235,000	
88	DTC135D4802010572	Đỗ Xuân Thu	CNTT K12E	-	50,000		50,000	
89	DTC135D4802010578	Nguyễn Khánh Toàn	CNTT K12E	-		30,000	30,000	
90	DTC135D4802011515	Vi Đình Trường	CNTT K12E	-	175,000	120,000	295,000	
91	DTC135D3404050180	Mùa A Đông	HTTT K12A	50,000			50,000	
92	DTC135D4802010438	Ngô Thị Hương	HTTT K12A	215,873			215,873	
93	DTC135D4801040026	Nguyễn Sơn Lâm	HTTT K12A	-	125,000	30,000	155,000	
94	DTC125D4801040010	Bùi Văn Quỳnh	HTTT K12A	1,333,333			1,333,333	
95	DTC135D4802010288	Phạm Văn Thắng	HTTT K12A	-		30,000	30,000	
96	DTC135D4802010162	Đỗ Văn Tiến	HTTT K12A	-		60,000	60,000	
97	DTC135D4801040008	Lộc Văn Toàn	HTTT K12A	-	125,000		125,000	
98	DTC135D4802010400	Triệu Đức An	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
99	DTC135D4802010401	Dương Hữu Anh	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
100	DTC135D4801010001	Vũ Tuấn Anh	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
101	DTC135D4802010601	Lê Thị Bích Diệp	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
102	DTC135D4802010255	Trần Văn Đông	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
103	DTC135D4802010421	Phạm Thế Giang	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
104	DTC135D4802010257	Trần Văn Hà	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
105	DTC135D4801010002	Ngô Thị Yến Hoa	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
106	DTC135D4802010261	Trần Minh Hòa	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
107	DTC135D4802010432	Nguyễn Nam Hoàng	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
108	DTC135D4802010434	Nguyễn Thị Huệ	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
109	DTC135D4802010066	Nguyễn Minh Hưng	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
110	DTC135D4802010629	Nguyễn Văn Hường	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
111	DTC135D4801010025	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	KHMT K12A	-	25,000		25,000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
112	DTC135D4801010100	Hoàng Văn Linh	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
113	DTC135D4802010448	Nguyễn Đình Long	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
114	DTC135D4802010273	Bùi Văn Lý	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
115	DTC135D4802010453	Đàm Công Nam	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
116	DTC135D4801020303	Nguyễn Thị Hồng Nga	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
117	DTC135D4801020308	Lò Văn Ngọc	KHMT K12A	-	25,000	30,000	55,000	
118	DTC135D4802010278	Hà Thị Nguyệt	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
119	DTC135D4802010081	Cà Văn Phước	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
120	DTC135D4802010281	Quách Thị Phương	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
121	DTC135D4802010655	Hoàng Văn Quang	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
122	DTC135D4802010286	Nguyễn Trung Sơn	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
123	DTC135D4801010032	Hà Văn Tấn	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
124	DTC135D4801010035	Đặng quang Thuận	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
125	DTC135D4801010046	Nguyễn Duy Tín	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
126	DTC135D4801010037	Phạm Thị Trang	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
127	DTC135D4801010005	Vương Đình Tú	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
128	DTC135D4802010800	Nguyễn Anh Tuấn	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
129	DTC135D4802010789	Phạm Thị Tươi	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
130	DTC135D4802010681	Nguyễn Văn Uy	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
131	DTC135D4802010491	Nghiêm Thị Thu Uyên	KHMT K12A	-	25,000		25,000	
132	DTC135D4801030080	La Tuấn Anh	KTPM K12B	-	50,000		50,000	
133	DTC135D4801030002	Hương Xuân Bắc	KTPM K12A	-	75,000		75,000	
134	DTC135D4801030094	Dương Thành Đô	KTPM K12B	-	50,000		50,000	
135	DTC135D4801030008	Phạm Công Đức	KTPM K12A	-		60,000	60,000	
136	DTC135D4801030012	Phương Quốc Hạnh	KTPM K12A	-	50,000		50,000	
137	DTC135D4801030018	Phạm Thanh Hưng	KTPM K12A	-	50,000		50,000	
138	DTC135D4801030109	Nguyễn Văn Linh	KTPM K12B	-	50,000	90,000	140,000	
139	DTC135D4801030176	Bùi Hoàng Lực	KTPM K12B	-		90,000	90,000	
140	DTC135D4801030197	Nguyễn Hùng Mạnh	KTPM K12B	-	50,000		50,000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
141	DTC135D4801030024	Mai Anh Nam	KTPM K12A	-	75,000		75,000	
142	DTC135D4801030115	Hoàng Văn Nam	KTPM K12B	-	50,000		50,000	
143	DTC11M1200083	Ngô Quốc Ngọc	KTPM K12A	-	175,000		175,000	
144	DTC135D4801030027	Lường Văn Nội	KTPM K12A	-	175,000	90,000	265,000	
145	DTC135D4801030125	Đinh Hồng Phúc	KTPM K12B	-		30,000	30,000	
146	DTC135D4801030034	Trần Tấn Tài	KTPM K12A	-		90,000	90,000	
147	DTC135D4801030036	Quách Duy Thắng	KTPM K12A	-	75,000	120,000	195,000	
148	DTC135D4801030139	Vũ Quyết Tiến	KTPM K12B	-	50,000		50,000	
149	DTC135D4801030160	Quản Thanh Tùng	KTPM K12B	-	75,000	60,000	135,000	
150	DTC135D4801030051	Vũ Văn Việt	KTPM K12A	-	50,000		50,000	
151	DTC135D5103020177	Vũ Quang Vinh	KTPM K12B	-	50,000		50,000	
152	DTC135D4801030054	Vũ Văn Xuân	KTPM K12A	-	50,000		50,000	
153	DTC135D4801020001	La Đức Anh	TT&MMT K12A	-	50,000	30,000	80,000	
154	DTC135D4801020150	Phạm Tuấn Anh	TT&MMT K12A	-	175,000	60,000	235,000	
155	DTC135D4801020002	Phạm Ngọc Anh	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
156	DTC135D4801020003	Trình Thị Lan Anh	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
157	DTC135D4801020306	Đoàn Minh Bắc	TT&MMT K12A	-	50,000	60,000	110,000	
158	DTC135D4801020005	Trần Văn Bắc	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
159	DTC135D4801020200	Nguyễn Duy Bình	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
160	DTC09M1200220	Quảng Văn Đại	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
161	DTC135D4801020012	Vàng A Di	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
162	DTC135D4801020013	Ma Văn Đông	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
163	DTC135D4801020014	Hoàng Thị Thu Hà	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
164	DTC135D4801020080	Nguyễn Đình Hà	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
165	DTC135D4801020081	Đỗ Văn Hải	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
166	DTC135D4801020082	Phạm Ngọc Hải	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
167	DTC125D4801020009	Trình Đức Hạnh	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
168	DTC135D4801020015	Bùi Lệ Hào	TT&MMT K12A	-	125,000		125,000	
169	DTC135D4801020016	Triệu Trung Hiếu	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
170	DTC135D4801020085	Phạm Hồng Hoàng	TT&MMT K12A	-	50,000	30,000	80,000	
171	DTC135D4801020087	Nguyễn Anh Hùng	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
172	DTC135D4801020018	Nguyễn Ngọc Hưng	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
173	DTC135D4801020019	Hoàng Quốc Huy	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
174	DTC135D4801030155	Nguyễn Thị Huyền	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
175	DTC155D4801030200	NUNTHAVONG Khamlar	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
176	DTC135D4801020089	Nguyễn Quang Khánh	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
177	DTC135D4801020021	Nguyễn Trung Kiên	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
178	DTC135D5103020035	Nguyễn Trung Kiên	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
179	DTC135D4801020022	La Thị Vân Kiều	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
180	DTC135D4801020090	Lê Phúc Lâm	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
181	DTC135D4801020023	Chu Thuỳ Linh	TT&MMT K12A	341,000	50,000	30,000	421,000	
182	DTC135D4801020092	Lê Tuấn Minh	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
183	DTC155D4801030202	SAELEE Naichien	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
184	DTC135D4801020167	Lục Văn Ngọc	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
185	DTC135D4801020024	Nguyễn Thị Ngọc	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
186	DTC135D4801020025	Nguyễn Việt Nguyên	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
187	DTC135D4801020026	Nguyễn Hữu Ninh	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
188	DTC135D4801020027	Vũ Hoài Ninh	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
189	DTC135D4801020098	Đỗ Thị Quyên	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
190	DTC135D4801020102	Đặng Thế Song	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
191	DTC135D4801020029	Hoàng Ngọc Thái	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
192	DTC135D4802012003	Nguyễn Quang Thái	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
193	DTC135D4801020103	Trần Thành	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
194	DTC135D4801020104	Trần Công Thành	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
195	DTC135D4801020031	Vy Nghĩa Thành	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
196	DTC135D4801020032	Hoàng Văn Thát	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
197	DTC135D4801020108	Lê Thanh Trà	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
198	DTC135D4802010233	Phạm Thị Thuỷ Trang	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Học phí	Giấy thi, VSMT	Lệ phí thi lại	Tổng cộng	Ghi chú
199	DTC135D4801020035	Lưu Thị Quỳnh Trang	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
200	DTC135D4801020036	Nguyễn Đỗ Huyền Trang	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
201	DTC135D4801020037	Đỗ Ngọc Tú	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
202	DTC135D4801020038	Nguyễn Duy Tư	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
203	DTC135D4801020046	Lường Văn Tuấn	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
204	DTC135D4801020041	Nguyễn Anh Tuấn	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
205	DTC135D4801020042	Nguyễn Thanh Tùng	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
206	DTC135D4801020112	Nguyễn Văn Tường	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
207	DTC135D4801020113	Trần Tuấn Vũ	TT&MMT K12A	-	175,000		175,000	
208	DTC135D4801020301	Lê Thanh Xuân	TT&MMT K12A	-	50,000		50,000	
	Tổng cộng			3,327,706	11,875,000	2,910,000	18,112,706	

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu một trăm mười hai nghìn bảy trăm linh sáu đồng./

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập

Ghi chú: Tiền Giấy thi, VSMT đã tính cả năm học 2017-2018